

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 39/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Lê T, sinh năm 1986; CCCD 038085009085

Nơi thường trú: F T, phường H, tỉnh Thanh Hóa

2. Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1987; CCCD 038187015153

Nơi thường trú: 78 T, phường H, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Lê T và chị Trịnh Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, TP ., tỉnh Thanh Hóa (Nay là Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Thanh Hóa) ngày 28/11/2017. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, lối sống. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hòa hợp nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ tháng 8/2025. Nay anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận việc anh chị thuận tình ly hôn.

Xét thấy: Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành, anh chị thực sự tự nguyện ly hôn. Việc thỏa thuận của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 55 - Luật HN&GD nên Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Lê T và chị Trịnh Thị N có 02 con chung là Nguyễn Lê Khôi N1, sinh ngày 23/8/2013 và Nguyễn Bảo N2, sinh ngày

06/10/2019. Anh chị thỏa thuận: Sau khi ly hôn giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2025

Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp quy định tại Điều 81, 82 của Luật HN&GD nên Tòa án chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh Nguyễn Lê T và chị Trịnh Thị N không yêu cầu giải quyết do đó Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Lê T và chị Trịnh Thị N thỏa thuận: Anh Tuấn chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật, chị N không phải chịu lệ phí.

Thỏa thuận của anh chị phù hợp với hợp quy định tại Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Lê T và chị Trịnh Thị N.

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Lê T và chị Trịnh Thị N về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Sau khi ly hôn Anh Nguyễn Lê T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Lê Khôi N1, sinh ngày 23/8/2013 và Nguyễn Bảo N2, sinh ngày 06/10/2019; Chị Trịnh Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Chị Trịnh Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ tài sản:* Anh Nguyễn Lê T và chị Trịnh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Công nhận thỏa thuận của anh T chị N như sau: Anh Nguyễn Lê Tuấn C toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000đ, chị N không phải chịu lệ phí.

Tiền lệ phí anh T phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0002079 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSNDKV1 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Hạc Thành, Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Nga